

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
KỶ THI NGÀY 17/01/2026

Địa điểm thi:

Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQĐN (131 Lương Nhữ Hộc, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng) - **TẦNG 4**

Thời gian các ca thi:

Ca 1: 13h00 – 17h00, Ca 2: 17h30 - 21h00

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
1	171001	Nguyễn Đắc An	15/01/2001	121190002	Tỉnh Quảng Nam	19KTCLC1	1	01 (A401)	ĐHBK
2	171002	Lê Quốc Ân	01/08/2003	102210288	Tỉnh Thừa Thiên Huế	21TCLC_KHDL	1	01 (A401)	ĐHBK
3	171003	Nguyễn Quang Anh	17/12/2001	121190004	Tỉnh Quảng Bình	19KTCLC1	1	01 (A401)	ĐHBK
4	171004	Đỗ Nguyên Ánh	10/04/2001	102200082	Tỉnh Quảng Nam	20TCLC_DT2	1	01 (A401)	ĐHBK
5	171005	Nguyễn Văn Hoài Bảo	12/11/2003	109210174	Thành phố Đà Nẵng	21X3B	1	01 (A401)	ĐHBK
6	171006	Trần Gia Bảo	01/02/2002	107200088	Thành phố Đà Nẵng	20H2CLC	1	01 (A401)	ĐHBK
7	171007	Võ Đăng Cát	15/01/2000	103190095	Tỉnh Quảng Nam	19C4CLC3	1	01 (A401)	ĐHBK
8	171008	Nguyễn Minh Chiến	25/02/2002	101200259	Thành phố Đà Nẵng	20CDT2	1	01 (A401)	ĐHBK
9	171009	Huỳnh Lương Chính	03/10/2006	117240007	Thành phố Đà Nẵng	24MT	1	01 (A401)	ĐHBK
10	171010	Trần Đức Công	24/12/2002	123200054	Tỉnh Nam Định	20PFIEV2	1	01 (A401)	ĐHBK
11	171011	Nguyễn Duy Đăng	25/04/2002	101200345	Tỉnh Quảng Ngãi	20CDTCLC2	1	01 (A401)	ĐHBK
12	171012	Nguyễn Đại Đệ	20/10/2003	109210176	Tỉnh Quảng Nam	21X3B	1	01 (A401)	ĐHBK
13	171013	Võ Thị Thu Diễm	02/01/2002	103200229	Tỉnh Quảng Nam	20HTCN	1	01 (A401)	ĐHBK
14	171014	Hồ Thiện Đình	01/01/2002	101200263	Tỉnh Quảng Nam	20CDT2	1	01 (A401)	ĐHBK
15	171015	Nguyễn Tiến Đức	02/10/2002	101200157	Tỉnh Hà Tĩnh	20C1C	1	01 (A401)	ĐHBK
16	171016	Trần Văn Đức	28/08/2003	104230010	Tỉnh Quảng Trị	23N1	1	01 (A401)	ĐHBK
17	171017	Đặng Thị Thùy Dung	01/06/2003	118210033	Thành phố Đà Nẵng	21KX	1	01 (A401)	ĐHBK
18	171018	Tôn Thất Dương	05/05/2003	105210362	Tỉnh Thừa Thiên Huế	21TDHCLC2	1	01 (A401)	ĐHBK
19	171019	Trần Hữu Dương	01/08/2001	111200026	Tỉnh Quảng Bình	20THXD1	1	01 (A401)	ĐHBK
20	171020	Lê Thị Hồng Gấm	22/07/2001	121190009	Tỉnh Thừa Thiên Huế	19KTCLC1	1	01 (A401)	ĐHBK
21	171021	Mai Nguyễn Trường Giang	30/05/2001	106190009	Thành phố Đà Nẵng	19DTCLC1	1	01 (A401)	ĐHBK
22	171022	Nguyễn Văn Giang	19/06/2001	118190093	Tỉnh Quảng Nam	19QLCN1	1	01 (A401)	ĐHBK
23	171023	Huỳnh Nhân Hậu	19/01/2001	103200236	Tỉnh Quảng Nam	20HTCN	1	01 (A401)	ĐHBK
24	171024	Nguyễn Phúc Hậu	12/07/2004	110220140	Thành phố Đà Nẵng	22X1C	1	01 (A401)	ĐHBK
25	171025	Nguyễn Xuân Hậu	23/02/2002	101200028	Tỉnh Nghệ An	20C1A	1	01 (A401)	ĐHBK
26	171026	Nguyễn Thị Hiền	30/08/2001	118190050	Thành phố Đà Nẵng	19KXCLC2	1	01 (A401)	ĐHBK
27	171027	Kiều Thanh Hiền	27/10/2000	103190146	Tỉnh Quảng Ngãi	19C4CLC4	1	01 (A401)	ĐHBK
28	171028	Huỳnh Ngọc Hiếu	20/03/2003	121210017	Tỉnh Quảng Nam	21KT	1	01 (A401)	ĐHBK
29	171029	Lâm Quang Hiếu	15/07/2003	105210266	Thành phố Đà Nẵng	21DCLC4	1	02 (A402)	ĐHBK
30	171030	Lê Đình Hiếu	17/04/2003	101210210	Tỉnh Nghệ An	21C1D	1	02 (A402)	ĐHBK
31	171031	Nguyễn Gia Hiếu	14/06/2002	103200153	Tỉnh Quảng Ngãi	20C4CLC3	1	02 (A402)	ĐHBK
32	171032	Lê Ngọc Hoa	21/05/2002	103200154	Thành phố Đà Nẵng	20C4CLC3	1	02 (A402)	ĐHBK
33	171033	Lê Thị Hồng Huê	21/05/2002	121200019	Tỉnh Quảng Trị	20KT	1	02 (A402)	ĐHBK
34	171034	Đặng Tuấn Hùng	17/06/2006	105240032	Tỉnh Quảng Bình	24D1	1	02 (A402)	ĐHBK
35	171035	Hồ Anh Hùng	16/11/2003	118210081	Tỉnh Nghệ An	21KX	1	02 (A402)	ĐHBK
36	171036	Nguyễn Văn Thanh Hùng	05/06/2002	103200240	Thành phố Đà Nẵng	20HTCN	1	02 (A402)	ĐHBK
37	171037	Huỳnh Châu Hưng	25/09/2002	103200084	Tỉnh Thừa Thiên Huế	20C4CLC1	1	02 (A402)	ĐHBK

TT	SBD	Họ	và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
38	171038	Bùi Quang	Huy	06/03/2002	117200040	Tỉnh Thừa Thiên Huế	20QLMT	1	02 (A402)	ĐHBK
39	171039	Hoàng Trọng Quang	Huy	26/09/2003	111210112	Tỉnh Thừa Thiên Huế	21X2	1	02 (A402)	ĐHBK
40	171040	Lê Hữu Đức	Huy	12/04/2002	102200052	Tỉnh Quảng Nam	20TCLC_DT1	1	02 (A402)	ĐHBK
41	171041	Ngô Thế	Huy	31/01/2002	109200130	Tỉnh Quảng Nam	20X3	1	02 (A402)	ĐHBK
42	171042	Nguyễn Mạnh	Huy	28/02/2002	106200195	Thành phố Đà Nẵng	20DTCLC4	1	02 (A402)	ĐHBK
43	171043	Nguyễn Nhật	Huy	21/09/2003	109210020	Tỉnh Quảng Nam	21CSHT	1	02 (A402)	ĐHBK
44	171044	Nguyễn Phùng Minh	Huy	31/08/2001	101190288	Thành phố Đà Nẵng	19CDTCLC1	1	02 (A402)	ĐHBK
45	171045	Trần Minh	Huy	02/01/2002	110200065	Tỉnh Quảng Nam	20X1B	1	02 (A402)	ĐHBK
46	171046	Võ Vương	Huy	25/08/2001	101190450	Thành phố Đà Nẵng	19CDTCLC4	1	02 (A402)	ĐHBK
47	171047	Nguyễn Võ Ngọc	Kha	04/01/2003	109230084	Tỉnh Bình Định	23X3	1	02 (A402)	ĐHBK
48	171048	Nguyễn Tam	Khải	18/11/2002	103200122	Thành phố Đà Nẵng	20C4CLC2	1	02 (A402)	ĐHBK
49	171049	Nguyễn Ngọc	Khang	16/10/2003	103210195	Tỉnh Quảng Nam	21HTCN2	1	02 (A402)	ĐHBK
50	171050	Lê Hoàng	Khanh	16/11/2002	101200169	Tỉnh Quảng Nam	20C1C	1	02 (A402)	ĐHBK
51	171051	Phan Đức	Khánh	28/04/2003	110210011	Tỉnh Quảng Bình	21X1A	1	02 (A402)	ĐHBK
52	171052	Trần Quốc	Khánh	02/08/2001	104190021	Tỉnh Quảng Bình	19NCLC	1	02 (A402)	ĐHBK
53	171053	Vũ Hoàng	Khánh	10/02/2002	105200235	Tỉnh Đắk Lắk	20DCLC3	1	02 (A402)	ĐHBK
54	171054	Nguyễn Vũ	Khiêm	08/07/2002	105200166	Tỉnh Quảng Ngãi	20DCLC1	1	02 (A402)	ĐHBK
55	171055	Nguyễn Văn	Khuê	23/05/2002	101200104	Tỉnh Quảng Bình	20C1B	1	02 (A402)	ĐHBK
56	171056	Lê Thị Ngọc	Lan	25/06/2006	107240421	Tỉnh Quảng Bình	24SHYD	1	02 (A402)	ĐHBK
57	171057	Bùi Thanh	Lịch	18/06/2001	104190022	Thành phố Đà Nẵng	19NCLC	1	03 (A403)	ĐHBK
58	171058	Đoàn Thái	Lộc	22/07/2003	101210021	Tỉnh Quảng Nam	21C1A	1	03 (A403)	ĐHBK
59	171059	Nguyễn Đức	Lộc	10/11/2002	103200161	Tỉnh Bình Định	20C4CLC3	1	03 (A403)	ĐHBK
60	171060	Phạm Duy	Lộc	02/01/2002	101200173	Tỉnh Quảng Nam	20C1C	1	03 (A403)	ĐHBK
61	171061	Đoàn Văn	Lợi	11/01/2002	110200145	Tỉnh Nghệ An	20X1CLC2	1	03 (A403)	ĐHBK
62	171062	Nguyễn Thành	Long	28/07/2002	103200126	Thành phố Đà Nẵng	20C4CLC2	1	03 (A403)	ĐHBK
63	171063	Nguyễn Ngọc	Luân	18/02/2002	106200200	Tỉnh Quảng Nam	20DTCLC4	1	03 (A403)	ĐHBK
64	171064	Phan Thị Hồng	Lựu	27/06/2006	107240029	Tỉnh Quảng Bình	24H2A	1	03 (A403)	ĐHBK
65	171065	Trần Thị Khánh	Ly	19/02/2002	107200108	Tỉnh Nghệ An	20H2CLC	1	03 (A403)	ĐHBK
66	171066	Phùng Hải	Lý	10/02/2002	107200110	Thành phố Đà Nẵng	20H2CLC	1	03 (A403)	ĐHBK
67	171067	Nguyễn Thế	Mạnh	08/09/2003	104210055	Thành phố Hồ Chí Minh	21N	1	03 (A403)	ĐHBK
68	171068	Nguyễn Văn	Mến	12/02/2002	105200337	Tỉnh Thừa Thiên Huế	20TDH2	1	03 (A403)	ĐHBK
69	171069	Lê Thị Như	Mộng	05/06/2001	121190027	Tỉnh Thừa Thiên Huế	19KTCLC1	1	03 (A403)	ĐHBK
70	171070	Nguyễn Thị Bảo	My	06/02/2003	107210352	Tỉnh Thừa Thiên Huế	21KTHH2	1	03 (A403)	ĐHBK
71	171071	Tăng Thị	Na	25/11/2003	107210354	Tỉnh Quảng Ngãi	21KTHH2	1	03 (A403)	ĐHBK
72	171072	Hồ Đức	Nam	10/05/2001	118190061	Tỉnh Nghệ An	19KXCLC2	1	03 (A403)	ĐHBK
73	171073	Nguyễn Hữu	Nam	07/02/2001	101190105	Tỉnh Nghệ An	19C1B	1	03 (A403)	ĐHBK
74	171074	Nguyễn Phúc	Nam	05/04/2002	111200040	Tỉnh Nghệ An	20THXD1	1	03 (A403)	ĐHBK
75	171075	Phạm Thị Thùy	Nga	28/06/2003	107210355	Tỉnh Thừa Thiên Huế	21KTHH2	1	03 (A403)	ĐHBK
76	171076	Lê Trọng	Nghĩa	28/11/2003	110210013	Tỉnh Quảng Bình	21X1A	1	03 (A403)	ĐHBK
77	171077	Thái Nguyễn	Nghĩa	29/10/2002	106200136	Tỉnh Quảng Ngãi	20DTCLC2	1	03 (A403)	ĐHBK
78	171078	Trần Nguyễn Trần	Nguyên	01/02/2003	121210101	Tỉnh Thừa Thiên Huế	21KT2	1	03 (A403)	ĐHBK
79	171079	Bùi Quốc	Nhân	27/01/2002	103200165	Tỉnh Quảng Nam	20C4CLC3	1	03 (A403)	ĐHBK
80	171080	Hoàng Đức	Nhân	28/09/2003	111210052	Tỉnh Thừa Thiên Huế	21THXD1	1	03 (A403)	ĐHBK
81	171081	Nguyễn Đức	Nhân	27/10/2002	107200117	Tỉnh Quảng Nam	20H2CLC	1	03 (A403)	ĐHBK
82	171082	Lê Võ Lan	Nhi	02/09/2002	117200049	Thành phố Đà Nẵng	20QLMT	1	03 (A403)	ĐHBK

TT	SBD	Họ	và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
83	171083	Nguyễn Thế	Phát	15/10/2002	101200454	Tỉnh Quảng Nam	20CKHK	1	03 (A403)	ĐHBK
84	171084	Trần Phước	Phú	09/07/2004	102220289	Tỉnh Thừa Thiên Huế	22T_Nhat1	1	03 (A403)	ĐHBK
85	171085	Trần Văn	Phúc	17/11/2002	102200065	Tỉnh Nghệ An	20TCLC_DT1	1	04 (B401)	ĐHBK
86	171086	Hồ Thị Quý	Phương	22/11/2003	117210087	Thành phố Đà Nẵng	21QLMT	1	04 (B401)	ĐHBK
87	171087	Huỳnh Thi Hoài	Phương	02/04/2003	107210064	Thành phố Đà Nẵng	21H2CLC1	1	04 (B401)	ĐHBK
88	171088	Lâm Gia	Quân	19/08/2001	102190234	Thành phố Đà Nẵng	19TCLC_DT5	1	04 (B401)	ĐHBK
89	171089	Nguyễn Anh	Quân	28/12/2002	110210119	Tỉnh Thừa Thiên Huế	21X1B	1	04 (B401)	ĐHBK
90	171090	Nguyễn Hồng	Quân	16/01/2003	110210120	Tỉnh Hà Tĩnh	21X1B	1	04 (B401)	ĐHBK
91	171091	Nguyễn Minh	Quân	07/01/2003	123210044	Tỉnh Thừa Thiên Huế	21PFIEV3	1	04 (B401)	ĐHBK
92	171092	Nguyễn Vinh	Quân	05/09/2001	101190113	Tỉnh Nghệ An	19C1B	1	04 (B401)	ĐHBK
93	171093	Trần Anh	Quang	22/12/2001	101190355	Tỉnh Kon Tum	19CDTCLC2	1	04 (B401)	ĐHBK
94	171094	Phạm Quỳnh Phước	Quảng	03/09/2001	109190060	Tỉnh Quảng Nam	19X3CLC	1	04 (B401)	ĐHBK
95	171095	Nguyễn Đức	Quốc	12/06/2002	102200108	Tỉnh Quảng Trị	20TCLC_DT2	1	04 (B401)	ĐHBK
96	171096	Nguyễn Phước	Quốc	13/02/2000	102180180	Tỉnh Quảng Nam	18TCLC_DT2	1	04 (B401)	ĐHBK
97	171097	Nguyễn Trường	Quốc	13/09/2003	110210088	Tỉnh Quảng Nam	21X1A	1	04 (B401)	ĐHBK
98	171098	Hoàng Như	Quý	14/08/2001	121190080	Tỉnh Quảng Trị	19KTCLC2	1	04 (B401)	ĐHBK
99	171099	Nguyễn Văn	Quý	02/12/1998	102160259	Tỉnh Nghệ An	16TCLC3	1	04 (B401)	ĐHBK
100	171100	Trần Hoàng	Quyên	20/09/2001	103190121	Tỉnh Quảng Bình	19C4CLC3	1	04 (B401)	ĐHBK
101	171101	Hoàng Văn	Sang	17/03/2002	105200510	Tỉnh Nghệ An	20TDHCLC4	1	04 (B401)	ĐHBK
102	171102	Nguyễn Thanh	Sang	20/12/2002	103200209	Thành phố Đà Nẵng	20C4CLC4	1	04 (B401)	ĐHBK
103	171103	Phan Thanh	Son	06/05/2002	105200174	Thành phố Đà Nẵng	20DCLC1	1	04 (B401)	ĐHBK
104	171104	Hoàng Minh	Tân	16/05/2002	107200172	Thành phố Đà Nẵng	20H5	1	04 (B401)	ĐHBK
105	171105	Thái Văn	Tân	02/03/2002	103200137	Tỉnh Quảng Trị	20C4CLC2	1	04 (B401)	ĐHBK
106	171106	Đặng Đức	Thắng	27/09/2002	105200176	Tỉnh Bình Định	20DCLC1	1	04 (B401)	ĐHBK
107	171107	Đặng Quốc	Thắng	26/01/2001	103190079	Tỉnh Bình Định	19C4CLC2	1	04 (B401)	ĐHBK
108	171108	Hà Ngọc	Thắng	16/02/2002	109200046	Thành phố Đà Nẵng	20CSHT	1	04 (B401)	ĐHBK
109	171109	Nguyễn	Thắng	25/03/2003	110210125	Tỉnh Thừa Thiên Huế	21X1B	1	04 (B401)	ĐHBK
110	171110	Bùi Thanh	Thảo	06/01/2002	118200125	Tỉnh Quảng Nam	20KXCCLC	1	04 (B401)	ĐHBK
111	171111	Hồ Nguyên	Thảo	19/05/2003	105210162	Thành phố Đà Nẵng	21D2	1	04 (B401)	ĐHBK
112	171112	Đỗ Hoàng	Thị	25/04/2003	107210145	Thành phố Đà Nẵng	21H2CLC1	1	04 (B401)	ĐHBK
113	171113	Hứa Bành	Thiên	22/04/2003	105210075	Thành phố Đà Nẵng	21DCLC1	1	05 (B402)	ĐHBK
114	171114	Đoàn Văn	Thiện	29/10/2002	111200091	Tỉnh Quảng Nam	20THXD2	1	05 (B402)	ĐHBK
115	171115	Nguyễn Ngọc	Thiện	14/01/2000	105180214	Thành phố Đà Nẵng	18DCLC1	1	05 (B402)	ĐHBK
116	171116	Đặng Như	Thông	27/06/2001	110190035	Thành phố Đà Nẵng	19X1CLC1	1	05 (B402)	ĐHBK
117	171117	Huỳnh Phạm Anh	Thư	29/05/2004	118220083	Tỉnh Quảng Ngãi	22KX2	1	05 (B402)	ĐHBK
118	171118	Nguyễn Đoàn Thảo	Thư	04/12/2001	123200125	Tỉnh Quảng Nam	20PFIEV2	1	05 (B402)	ĐHBK
119	171119	Cao Hữu	Thuận	17/11/1999	102170252	Tỉnh Quảng Bình	17TCLC1	1	05 (B402)	ĐHBK
120	171120	Nguyễn Công	Thuận	23/04/2001	105190215	Tỉnh Thừa Thiên Huế	19TDHCLC1	1	05 (B402)	ĐHBK
121	171121	Võ Thị Hồng	Thúy	30/03/2003	107210146	Thành phố Đà Nẵng	21H2CLC1	1	05 (B402)	ĐHBK
122	171122	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	28/09/2003	117210028	Thành phố Đà Nẵng	21QLMT	1	05 (B402)	ĐHBK
123	171123	Nguyễn Thị Xuân	Tiên	22/01/2003	109210140	Thành phố Hồ Chí Minh	21VLXD2	1	05 (B402)	ĐHBK
124	171124	Nguyễn Văn	Tiên	07/06/2006	103240036	Tỉnh Quảng Nam	24C4A	1	05 (B402)	ĐHBK
125	171125	Võ Quang	Tiến	11/03/2001	105190126	Tỉnh Thừa Thiên Huế	19DCLC3	1	05 (B402)	ĐHBK
126	171126	Trần Phước	Tính	03/09/2002	105200284	Thành phố Đà Nẵng	20DCLC4	1	05 (B402)	ĐHBK
127	171127	Mai Huyền	Trang	03/01/2002	121200046	Tỉnh Quảng Nam	20KT	1	05 (B402)	ĐHBK

TT	SBD	Họ	và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
128	171128	Nguyễn Thị Minh	Trang	19/12/2001	105190417	Thành phố Đà Nẵng	19TDHCLC5	1	05 (B402)	ĐHBK
129	171129	Nguyễn Chánh	Trực	30/07/2003	121210036	Tỉnh Đắk Lắk	21KT	1	05 (B402)	ĐHBK
130	171130	Võ Thanh	Trưởng	04/04/2001	105190041	Tỉnh Quảng Nam	19DCLC1	1	05 (B402)	ĐHBK
131	171131	Nguyễn Lê Anh	Tú	05/08/2002	103200106	Thành phố Đà Nẵng	20C4CLC1	1	05 (B402)	ĐHBK
132	171132	Lê Văn	Tư	19/11/2003	102210334	Tỉnh Quảng Trị	21TCLC_KHDL2	1	05 (B402)	ĐHBK
133	171133	Lê Thiện	Tuấn	27/11/2002	103200178	Thành phố Đà Nẵng	20C4CLC3	1	05 (B402)	ĐHBK
134	171134	Lê Văn	Tuấn	19/03/2002	103200216	Thành phố Đà Nẵng	20C4CLC4	1	05 (B402)	ĐHBK
135	171135	Nguyễn Trần Anh	Tuấn	08/01/2003	111210057	Tỉnh Quảng Nam	21THXD1	1	05 (B402)	ĐHBK
136	171136	Trần Anh	Tuấn	06/02/2002	103200143	Tỉnh Nghệ An	20C4CLC2	1	05 (B402)	ĐHBK
137	171137	Lê Văn	Tuấn	03/12/2002	105200349	Tỉnh Quảng Bình	20TDH2	1	05 (B402)	ĐHBK
138	171138	Nguyễn Thanh	Tùng	30/09/2003	101210201	Tỉnh Bình Định	21C1C	1	05 (B402)	ĐHBK
139	171139	Võ Thị Thảo	Uyên	02/09/2002	107200136	Tỉnh Đắk Lắk	20H2CLC	1	05 (B402)	ĐHBK
140	171140	Mai Thị Thanh	Vân	24/05/2003	121210118	Tỉnh Quảng Nam	21KT2	1	05 (B402)	ĐHBK
141	171141	Phạm Nhật	Vạn	14/01/2002	101200075	Tỉnh Quảng Ngãi	20C1A	1	06 (B403)	ĐHBK
142	171142	Thái Văn	Việt	07/05/2003	110210147	Tỉnh Thừa Thiên Huế	21X1B	1	06 (B403)	ĐHBK
143	171143	Đặng Công	Vinh	16/07/2003	110210149	Thành phố Đà Nẵng	21X1B	1	06 (B403)	ĐHBK
144	171144	Lê Anh	Vũ	06/02/2002	103200180	Thành phố Đà Nẵng	20C4CLC3	1	06 (B403)	ĐHBK
145	171145	Lê Hoàng	Vũ	10/09/2001	106190187	Tỉnh Hà Tĩnh	19DTCLC4	1	06 (B403)	ĐHBK
146	171146	Nguyễn Hoàng	Vũ	22/08/2002	102200201	Tỉnh Quảng Nam	20TCLC_DT4	1	06 (B403)	ĐHBK
147	171147	Đỗ Hoàng	Ý	20/05/2002	103200145	Thành phố Đà Nẵng	20C4CLC2	1	06 (B403)	ĐHBK
148	171148	Đoàn Nguyễn Đạt	Ý	12/10/2002	103200181	Thành phố Đà Nẵng	20C4CLC3	1	06 (B403)	ĐHBK
149	171149	Nguyễn Ngọc	Ánh	27/11/2004	221121006206	Hà Tĩnh	48K06.2	1	06 (B403)	ĐHKT
150	171150	Đoàn Kim	Giáp	29/11/2004	221121514111	Nghệ An	48K14.1	1	06 (B403)	ĐHKT
151	171151	Bùi Thị Thúy	Hằng	18/06/2004	221121325412	Quảng Ngãi	48K25.4	1	06 (B403)	ĐHKT
152	171152	Phạm Thị Mai	Hoa	04/03/2003	211124008312	Nghệ An	47K08.3	1	06 (B403)	ĐHKT
153	171153	Nguyễn Đức	Huy	20/01/2003	211121521117	Đà Nẵng	47K21.1	1	06 (B403)	ĐHKT
154	171154	Lê Thị Mi	Kha	27/05/2000	181124022324	Đà Nẵng	44K22.3	1	06 (B403)	ĐHKT
155	171155	Nguyễn Thị Mỹ	Khuyên	17/11/2004	221121317110	Quảng Ngãi	48K17.1	1	06 (B403)	ĐHKT
156	171156	Đinh Khánh	Linh	24/06/2004	221121120123	Nghệ An	48K20	1	06 (B403)	ĐHKT
157	171157	Tạ Ngọc Xuân	Mai	10/09/2006	241121006225	Đà Nẵng	50K06.2	1	06 (B403)	ĐHKT
158	171158	Lê Thị Hòa	My	17/08/2004	221121521125	Quảng Ngãi	48K21.1	1	06 (B403)	ĐHKT
159	171159	Cao Thị Hoài	Nhi	13/05/2004	221121006235	Quảng Trị	48K06.2	1	06 (B403)	ĐHKT
160	171160	Hoàng Thị Kiều	Oanh	01/01/2005	231120919143	Đà Nẵng	49K19	1	06 (B403)	ĐHKT
161	171161	Phạm Nguyễn Mai	Phương	25/01/2004	221121514228	Tp. Hồ Chí Minh	48K14.2	1	06 (B403)	ĐHKT
162	171162	Dương Văn	Quý	06/05/2004	221121120141	Nghệ An	48K20	1	06 (B403)	ĐHKT
163	171163	Lê Thị Tú	Sinh	14/09/2003	211123012143	Quảng Nam	47K12	1	06 (B403)	ĐHKT
164	171164	Trần Huyền	Trang	17/08/2004	221121018445	Gia Lai	48K18.4	1	06 (B403)	ĐHKT
165	171165	Nguyễn Chí	Trung	07/04/2004	221121209122	Phú Yên	48K09	1	06 (B403)	ĐHKT
166	171166	Ngô Thị	Út	16/09/2004	221121006554	Quảng Nam	48K06.5	1	06 (B403)	ĐHKT
167	171167	Hà Thúy	Vân	26/02/2003	211121018353	Đắk Lắk	47K18.3	1	06 (B403)	ĐHKT
168	171168	Nguyễn Thị Thanh	Vì	17/02/2004	221121006356	Quảng Nam	48K06.3	1	06 (B403)	ĐHKT
169	171169	Lê Võ Hồng	Yến	11/04/2004	221121723245	Hà Tĩnh	48K23.2	1	07 (C402)	ĐHKT
170	171170	Bùi Thị	An	15/04/2005	3220123001		23STH1	1	07 (C402)	ĐHSP
171	171171	Lê Tấn	An	23/04/2004	3120222001		22CNTT1	1	07 (C402)	ĐHSP
172	171172	Trương Như	An	13/05/2004	3200322002		22CTXH	1	07 (C402)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
173	171173	Hồ Minh Tịnh	Ân	23/02/2001		21STH6	1	07 (C402)	ĐHSP
174	171174	Đào Thị Lan	Anh	24/08/2004		22STH3	1	07 (C402)	ĐHSP
175	171175	Đinh Võ Phương	Anh	23/08/2006		24SKT1	1	07 (C402)	ĐHSP
176	171176	Hồ Thị Phương	Anh	29/10/2005		23SNV2	1	07 (C402)	ĐHSP
177	171177	Nguyễn Nhật	Anh	22/09/2005		23STH3	1	07 (C402)	ĐHSP
178	171178	Nguyễn Thị Phương	Anh	03/08/2006		24STH7	1	07 (C402)	ĐHSP
179	171179	Lê Thị Ngọc	Ảnh	16/08/2003		21SMN4	1	07 (C402)	ĐHSP
180	171180	Trương Thị Ngọc	Ảnh	03/01/2004		22CHD	1	07 (C402)	ĐHSP
181	171181	Nguyễn Xuân	Bắc	09/06/2002		22CNSH	1	07 (C402)	ĐHSP
182	171182	Trần Khánh	Băng	10/05/2006		24SKT2	1	07 (C402)	ĐHSP
183	171183	Alăng	Băng	07/01/2003		22SHH	1	07 (C402)	ĐHSP
184	171184	Trần Thị	Bình	04/02/2004		22CLS	1	07 (C402)	ĐHSP
185	171185	Nguyễn Thị Kim	Chi	21/09/2003		21CVNH1	1	07 (C402)	ĐHSP
186	171186	Lê Thị Anh	Đào	16/03/2004		23SMN1	1	07 (C402)	ĐHSP
187	171187	Phan Thị Ánh	Đào	14/04/2004		22CTL	1	07 (C402)	ĐHSP
188	171188	Đặng Tấn	Đạt	27/09/2004		22SLD1	1	07 (C402)	ĐHSP
189	171189	Võ Ngọc Thành	Đạt	12/09/1999		17CNTTC	1	07 (C402)	ĐHSP
190	171190	Trần Nguyễn Trúc	Diệp	03/01/2004		22CTLC	1	07 (C402)	ĐHSP
191	171191	Lê Trung	Doãn	16/07/2004		22SPT	1	07 (C402)	ĐHSP
192	171192	Trần Nguyên	Đôn	17/12/2004		22CNTT2	1	07 (C402)	ĐHSP
193	171193	Lê Thị	Dur	17/04/2005		23STC	1	07 (C402)	ĐHSP
194	171194	Hoàng Thùy	Dung	25/05/2004		22SLS	1	07 (C402)	ĐHSP
195	171195	Nguyễn Lê Bảo	Duy	13/04/2004		22STH6	1	07 (C402)	ĐHSP
196	171196	Thái Thị Mỹ	Duyên	06/05/2004		22STH4	1	07 (C402)	ĐHSP
197	171197	Lê Thị Hoài	Giang	08/02/2004		22CBC2	1	08 (C401)	ĐHSP
198	171198	Lê Thị Trà	Giang	22/01/2003		22SMN3	1	08 (C401)	ĐHSP
199	171199	Nguyễn Hà	Giang	11/06/2003		21CNTTC	1	08 (C401)	ĐHSP
200	171200	Nguyễn Thị Lê	Giang	16/02/2004		22STC	1	08 (C401)	ĐHSP
201	171201	Hoàng Thu	Hà	02/10/2005		24STH7	1	08 (C401)	ĐHSP
202	171202	Lê Đăng Thu	Hà	06/08/2006		24SGC	1	08 (C401)	ĐHSP
203	171203	Nguyễn Thu	Hà	26/12/2003		22SKT1	1	08 (C401)	ĐHSP
204	171204	Đào Lê	Hạ	05/06/2004		22SVL	1	08 (C401)	ĐHSP
205	171205	Nguyễn Đại	Hải	01/07/2002		20CTL2	1	08 (C401)	ĐHSP
206	171206	Nguyễn Hồng	Hân	26/03/2004		22CVNH2	1	08 (C401)	ĐHSP
207	171207	Nguyễn Nho Nhật	Hân	22/10/2004		22SS	1	08 (C401)	ĐHSP
208	171208	Cao Thị Phụng	Hăng	26/09/2004		22SMN3	1	08 (C401)	ĐHSP
209	171209	Nguyễn Thị	Hăng	21/03/2004		22STH2	1	08 (C401)	ĐHSP
210	171210	Võ Thúy	Hăng	07/04/2004		22SLS	1	08 (C401)	ĐHSP
211	171211	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	06/12/2005		23SMN1	1	08 (C401)	ĐHSP
212	171212	Huỳnh Thị Mỹ	Hạnh	12/11/2004		22CVNH1	1	08 (C401)	ĐHSP
213	171213	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	21/06/2005		23SKT1	1	08 (C401)	ĐHSP
214	171214	Trần Thị Mỹ	Hạnh	03/12/2004		22CBC1	1	08 (C401)	ĐHSP
215	171215	Vũ Văn	Hạnh	25/10/2004		22SDL	1	08 (C401)	ĐHSP
216	171216	Phạm Thị Bích	Hậu	09/11/2004		22CLS	1	08 (C401)	ĐHSP
217	171217	Phạm Thị Thanh	Hiền	17/09/2003		21SLD	1	08 (C401)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
218	171218	Lê Cao	Hiệp	01/09/2004	3190122017		22SDL	1 08 (C401)	ĐHSP
219	171219	Lê Quang Hồ	Hiệp	02/04/2004	3160522012		22SCD	1 08 (C401)	ĐHSP
220	171220	Đặng Lê Công	Hiếu	23/08/2004	3220122088		22STH3	1 08 (C401)	ĐHSP
221	171221	Phan Thị Mai	Hiếu	08/02/2004	3150422010		22CNSH	1 08 (C401)	ĐHSP
222	171222	Lê Thị Thương	Hoài	21/02/2004	3180522010		22CLS	1 08 (C401)	ĐHSP
223	171223	Lê Minh	Hoàng	15/09/2000	3160422017		22SAN	1 08 (C401)	ĐHSP
224	171224	Nguyễn Tuấn	Hoàng	26/08/2005	3240623023		23SGT	1 08 (C401)	ĐHSP
225	171225	Nguyễn	Hội	01/07/1995	3160122007		22SGC	1 08 (C401)	ĐHSP
226	171226	Đỗ Cát	Hồng	23/06/2004	3160422019		22SAN	1 08 (C401)	ĐHSP
227	171227	Nguyễn Thị Anh	Hồng	17/04/2004	3180722023		22SLD2	1 08 (C401)	ĐHSP
228	171228	Trần Thị Kim	Hồng	03/12/2003	3150421040		21CNSH	1 08 (C401)	ĐHSP
229	171229	Rmah H'	Hùn	23/10/2005	3220123131		23STH7	1 08 (C401)	ĐHSP
230	171230	Hồ Ngọc Gia	Huy	12/08/2004	3110122034		22ST1	1 08 (C401)	ĐHSP
231	171231	Đặng Thị Mỹ	Huyền	08/08/2003	3220122106		22STH6	1 08 (C401)	ĐHSP
232	171232	Lê Khánh	Huyền	25/04/2004	3180522015		22CLS	1 08 (C401)	ĐHSP
233	171233	Nguyễn Ngọc Thanh	Huyền	11/03/2005	3140723028		23SKT1	1 08 (C401)	ĐHSP
234	171234	Nguyễn Thị Thu	Huyền	25/10/2004	3220122112		22STH1	1 08 (C401)	ĐHSP
235	171235	Trần Thanh	Huyền	18/07/2005	3230123066		23SMN1	1 08 (C401)	ĐHSP
236	171236	Nguyễn Lê Bảo	Khanh	19/09/2004	3170122048		22SNV2	1 08 (C401)	ĐHSP
237	171237	Trương Hữu Bảo	Khanh	01/03/2004	3120122010		22SPT	1 08 (C401)	ĐHSP
238	171238	Trần Thị Vân	Khánh	10/05/2005	3230123067		23SMN3	1 08 (C401)	ĐHSP
239	171239	Nguyễn Phước	Khoa	09/09/2002	3120220233		20CNTT2	1 08 (C401)	ĐHSP
240	171240	Nguyễn Thuận Văn	Khoa	29/01/2004	3180722031		22SLD2	1 08 (C401)	ĐHSP
241	171241	Dương Thị Thúy	Kiều	28/03/2003	3220122118		22STH4	1 08 (C401)	ĐHSP
242	171242	Võ Thị Mai	Lan	09/10/2005	3180723035		23SLD2	1 08 (C401)	ĐHSP
243	171243	Đặng Huỳnh Chí	Lân	19/11/2004	3180722033		22SLD2	1 08 (C401)	ĐHSP
244	171244	Bùi Hoàng	Lê	27/05/2004	3220122127		22STH4	1 08 (C401)	ĐHSP
245	171245	Đinh Mai	Linh	04/08/2004	3220122134		22STH5	1 08 (C401)	ĐHSP
246	171246	Đỗ Lê Khánh	Linh	19/08/2005	3140723042		23SKT1	1 08 (C401)	ĐHSP
247	171247	Hoàng Thị Khánh	Linh	24/02/2004	3150422017		22CNSH	1 08 (C401)	ĐHSP
248	171248	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	12/07/2004	3170422036		22CBC1	1 08 (C401)	ĐHSP
249	171249	Phạm Khánh	Linh	22/12/2003	3170221053		21CVH	1 09 (C404)	ĐHSP
250	171250	Phạm Lại Mỹ	Linh	24/06/2005	3140723045		23SKT1	1 09 (C404)	ĐHSP
251	171251	Y	Linh	10/03/2005	3220123189		23STH3	1 09 (C404)	ĐHSP
252	171252	Nguyễn Minh	Lộc	15/03/2003	3200221174		21CTL2	1 09 (C404)	ĐHSP
253	171253	Alung Phi	Lực	04/10/2004	3180722046		22SLD1	1 09 (C404)	ĐHSP
254	171254	Phạm Khánh	Ly	04/02/2005	3220123200		23STH3	1 09 (C404)	ĐHSP
255	171255	Y Xuân	Mai	18/03/2004	3230122069		22SMN3	1 09 (C404)	ĐHSP
256	171256	Nguyễn Dương Gia	Mẫn	15/11/2004	3200322025		22CTXH	1 09 (C404)	ĐHSP
257	171257	Nguyễn Thị	Mẫn	28/08/2004	3140723053		23SKT1	1 09 (C404)	ĐHSP
258	171258	Nguyễn Thị Minh	Mận	10/01/2005	3140723054		23SKT1	1 09 (C404)	ĐHSP
259	171259	Nguyễn Thị Hồng	Mi	18/04/2003	3160521059		21SCD	1 09 (C404)	ĐHSP
260	171260	Đặng Phước Diệu	My	27/07/2004	3220122167		22STH2	1 09 (C404)	ĐHSP
261	171261	Đinh Nhật Huyền	My	15/09/2004	3180722053		22SLD1	1 09 (C404)	ĐHSP
262	171262	Hầu Thị Trà	My	10/04/2003	3180721078		21SLD	1 09 (C404)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
263	171263	Avô Thị Aly	Na	21/06/2004	3160122015	22SGC	1	09 (C404)	ĐHSP
264	171264	Nguyễn Ni	Na	14/01/2003	3170221059	21CVH	1	09 (C404)	ĐHSP
265	171265	Phạm Lê	Na	18/10/2005	3180723055	23SLD2	1	09 (C404)	ĐHSP
266	171266	Nguyễn Thị Bích	Nga	22/07/2005	3180123015	23SLS	1	09 (C404)	ĐHSP
267	171267	Nguyễn Thị Mỹ	Nga	16/08/2004	3170222039	22CVH	1	09 (C404)	ĐHSP
268	171268	Đàm Kim	Ngân	29/03/2005	3140723058	23SKT1	1	09 (C404)	ĐHSP
269	171269	Lê Trần Phương	Ngân	14/11/2005	3160123018	23SGC	1	09 (C404)	ĐHSP
270	171270	Phạm Thị Thanh	Ngân	03/12/2004	3120222087	22CNTT1	1	09 (C404)	ĐHSP
271	171271	Trần Thảo	Ngân	23/09/2005	3120123020	23SPT	1	09 (C404)	ĐHSP
272	171272	Phan Thị Hồng	Ngọc	07/01/2004	3170123074	23SNV2	1	09 (C404)	ĐHSP
273	171273	Tạ Hoàng Như	Ngọc	18/06/2005	3140723066	23SKT2	1	09 (C404)	ĐHSP
274	171274	Phan Thanh	Nhã	12/06/2004	3120122016	22SPT	1	09 (C404)	ĐHSP
275	171275	Lê Thị Uyên	Nhi	01/08/2004	3220122194	22STH1	1	09 (C404)	ĐHSP
276	171276	Lương Thị Tuyết	Nhi	09/07/2007	3110525028	25CKDL	1	09 (C404)	ĐHSP
277	171277	Nguyễn Mai	Nhi	30/04/2005	3170423076	23CBC1	1	09 (C404)	ĐHSP
278	171278	Nguyễn Văn	Nhi	10/05/2004	3110122059	22ST1	1	09 (C404)	ĐHSP
279	171279	Trần Thị Bích	Nhi	16/03/2000	3200418004	18CTLC	1	09 (C404)	ĐHSP
280	171280	Đinh Thị Tố	Như	13/07/2005	3220123273	23STH3	1	09 (C404)	ĐHSP
281	171281	Hoàng Nguyễn Quỳnh	Như	20/06/2006	3120124018	24SPT	1	09 (C404)	ĐHSP
282	171282	Lê Hồ Quỳnh	Như	29/07/2004	3150422022	22CNSH	1	09 (C404)	ĐHSP
283	171283	Trần Nguyễn Thảo	Như	14/07/2005	3240423043	23SAN	1	09 (C404)	ĐHSP
284	171284	Y	Nhuân	21/11/2005	3240423044	23SAN	1	09 (C404)	ĐHSP
285	171285	Lê Thị Thùy	Nhung	08/05/2004	3230122090	22SMN2	1	09 (C404)	ĐHSP
286	171286	Đặng Thị Phương	Ni	08/07/2004	3220222042	22STC	1	09 (C404)	ĐHSP
287	171287	Huỳnh Thị	Nở	28/03/2004	3230122091	22SMN1	1	09 (C404)	ĐHSP
288	171288	Puih	NữK	27/11/2003	3120122019	22SPT	1	09 (C404)	ĐHSP
289	171289	Phạm Thị Thu	Nương	24/10/2003	3170221068	21CVH	1	09 (C404)	ĐHSP
290	171290	Nguyễn Thị My	Ny	10/06/2004	3120122020	22SPT	1	09 (C404)	ĐHSP
291	171291	Bùi Kim	Oanh	25/08/2004	3180722066	22SLD2	1	09 (C404)	ĐHSP
292	171292	Nguyễn Thị Kim	Oanh	04/10/1999	3170417176	17CBC2	1	09 (C404)	ĐHSP
293	171293	Nguyễn Thị Kim	Oanh	13/04/1999	3170417178	17CBC2	1	09 (C404)	ĐHSP
294	171294	Trần Thị	Phổ	04/02/2005	3230123125	23SMN1	1	09 (C404)	ĐHSP
295	171295	Cao Thị	Phương	20/08/1999	3230117034	17SMN	1	09 (C404)	ĐHSP
296	171296	Đỗ Thị Đoan	Phương	20/07/2004	3180722071	22SLD2	1	09 (C404)	ĐHSP
297	171297	Nguyễn Huyền Minh	Phương	25/05/2005	3220123295	23STH3	1	09 (C404)	ĐHSP
298	171298	Đặng Thị Mỹ	Phượng	17/02/2004	3160122021	22SGC	1	09 (C404)	ĐHSP
299	171299	Huỳnh Thị Bích	Phượng	17/09/2005	3230123133	23SMN1	1	09 (C404)	ĐHSP
300	171300	Đào Minh	Quân	07/02/2004	3200222063	22CTL	2	10 (A401)	ĐHSP
301	171301	Puih	Quang	23/08/2005	3110123079	23ST1	2	10 (A401)	ĐHSP
302	171302	Ngô Thị Lệ	Quyên	05/08/2004	3200322038	22CTXH	2	10 (A401)	ĐHSP
303	171303	Nguyễn Thị Minh	Quyên	29/06/2005	3120123029	23SPT	2	10 (A401)	ĐHSP
304	171304	Phạm Thị Mỹ	Quyên	18/03/2006	3140724075	24SKT1	2	10 (A401)	ĐHSP
305	171305	Trần Thị Mỹ	Quyên	20/11/2004	3150422025	22CNSH	2	10 (A401)	ĐHSP
306	171306	Dương Diễm	Quỳnh	20/04/2004	3160522040	22SCD	2	10 (A401)	ĐHSP
307	171307	Mai Thị Như	Quỳnh	01/01/2004	3160522041	22SCD	2	10 (A401)	ĐHSP

TT	SBD	Họ	và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
308	171308	Trần Lê Như	Quỳnh	14/02/2006	3120124023		24SPT	2	10 (A401)	ĐHSP
309	171309	Trần Thị Trúc	Quỳnh	10/07/2005	3140123016		23SHH	2	10 (A401)	ĐHSP
310	171310	Hà Thị Hoàng	Sa	16/10/2004	3220222048		22STC	2	10 (A401)	ĐHSP
311	171311	Nguyễn Quang	Sang	17/04/2004	3180122042		22SLS	2	10 (A401)	ĐHSP
312	171312	Nguyễn Thạc	Sáng	17/02/2004	3120222116		22CNTT1	2	10 (A401)	ĐHSP
313	171313	Đinh Thị	Tám	09/06/2003	3170121172		21SNV2	2	10 (A401)	ĐHSP
314	171314	Trần Minh	Tâm	31/03/2004	3200222070		22CTL	2	10 (A401)	ĐHSP
315	171315	Trần Thiện	Tâm	24/06/2004	3120122025		22SPT	2	10 (A401)	ĐHSP
316	171316	Phan Văn	Thái	16/01/2003	3110122077		22ST1	2	10 (A401)	ĐHSP
317	171317	Phan Thị Hồng	Thắm	27/05/2005	3180523052		23CLS	2	10 (A401)	ĐHSP
318	171318	Trần Thị Hồng	Thắm	02/09/2005	3220123315		23STH1	2	10 (A401)	ĐHSP
319	171319	Vương Thị Phương	Thanh	27/02/2004	3220122242		22STH6	2	10 (A401)	ĐHSP
320	171320	Đặng Công	Thành	04/05/2005	3240623051		23SGT	2	10 (A401)	ĐHSP
321	171321	Nguyễn Nhật	Thành	03/01/2006	3120124028		24SPT	2	10 (A401)	ĐHSP
322	171322	Phạm Đỗ Ngọc	Thành	07/06/2001	3160622021		22SGT	2	10 (A401)	ĐHSP
323	171323	Hà Thị Lê	Thảo	31/07/2004	3180722086		22SLD2	2	10 (A401)	ĐHSP
324	171324	Nguyễn Phương	Thảo	14/07/2004	3220122248		22STH2	2	10 (A401)	ĐHSP
325	171325	Nguyễn Phương	Thảo	16/01/2004	3230122110		22SMN2	2	10 (A401)	ĐHSP
326	171326	Nguyễn Thị Phương	Thảo	12/09/2004	3220122249		22STH1	2	10 (A401)	ĐHSP
327	171327	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	26/11/2004	3180622012		22CVNH1	2	11 (A402)	ĐHSP
328	171328	Trần Thị Thanh	Thảo	29/07/2004	3200222074		22CTL	2	11 (A402)	ĐHSP
329	171329	Trần Thị Thiên	Thảo	16/08/2004	3220222052		22STC	2	11 (A402)	ĐHSP
330	171330	Trần Thị Thu	Thảo	24/09/2006	3180724079		24SLD2	2	11 (A402)	ĐHSP
331	171331	Huỳnh Thị Cẩm	Thi	20/03/2004	3180722090		22SLD2	2	11 (A402)	ĐHSP
332	171332	Nguyễn Phương	Thi	10/05/2004	3200222076		22CTL	2	11 (A402)	ĐHSP
333	171333	Võ Thị Bích	Thi	20/07/2004	3120222123		22CNTT1	2	11 (A402)	ĐHSP
334	171334	Polong Thị	Thị	09/03/2005	3220123333		23STH3	2	11 (A402)	ĐHSP
335	171335	B Nướch	Thiên	04/02/2004	3220122255		22STH4	2	11 (A402)	ĐHSP
336	171336	Nguyễn Thị Anh	Thơ	06/01/2004	3220122257		22STH3	2	11 (A402)	ĐHSP
337	171337	Nguyễn Phú	Thọ	26/05/2005	3140723095		23SKT2	2	11 (A402)	ĐHSP
338	171338	Phạm Thị Hoài	Thu	07/05/2005	3230123161		23SMN1	2	11 (A402)	ĐHSP
339	171339	Nguyễn Thái Anh	Thư	16/05/2004	3150122026		22SS	2	11 (A402)	ĐHSP
340	171340	Nguyễn Tống Anh	Thư	13/09/2004	3160422052		22SAN	2	11 (A402)	ĐHSP
341	171341	Trần Thị Anh	Thư	18/05/2006	3200224103		24CTL2	2	11 (A402)	ĐHSP
342	171342	Trần Thị Anh	Thư	18/04/2006	3160124017		24SGC	2	11 (A402)	ĐHSP
343	171343	Nguyễn Việt	Thuận	16/10/2005	3170123108		23SNV2	2	11 (A402)	ĐHSP
344	171344	Phan Thị Hoài	Thương	10/08/2004	3180722094		22SLD2	2	11 (A402)	ĐHSP
345	171345	Lý Nguyễn Ngọc	Thùy	28/11/1999	3200217097		17CTL2	2	11 (A402)	ĐHSP
346	171346	Trần Phương	Thùy	09/10/2005	3220123355		23STH3	2	11 (A402)	ĐHSP
347	171347	Châu Thị	Thùy	01/12/2003	3230121217		21SMN4	2	11 (A402)	ĐHSP
348	171348	Nguyễn Thị Phương	Thùy	13/04/1996	3230121218		21SMN4	2	11 (A402)	ĐHSP
349	171349	Thái Phan Hồng	Thùy	11/11/2004	3200222080		22CTL	2	11 (A402)	ĐHSP
350	171350	Trần Thị Lê	Thùy	03/10/2004	3220122272		22STH4	2	11 (A402)	ĐHSP
351	171351	Nguyễn Vũ Anh	Thy	26/03/2005	3170123114		23SNV2	2	11 (A402)	ĐHSP
352	171352	Trần Ngọc Bảo	Thy	25/07/2005	3230123173		23SMN1	2	11 (A402)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
353	171353	Ngô Thanh Tiên	22/12/2005	3220223062		23STC	2	11 (A402)	ĐHSP
354	171354	Vũ Đức Tiến	21/11/2003	3120421021		21CNTTC	2	12 (A403)	ĐHSP
355	171355	Đỗ Thị Quỳnh Trâm	14/10/2004	3180722096		22SLD2	2	12 (A403)	ĐHSP
356	171356	Bùi Ngô Minh Huyền Trân	22/08/2005	3170423119		23CBC1	2	12 (A403)	ĐHSP
357	171357	Nguyễn Kiều Nguyệt Trân	19/02/2004	3220122279		22STH6	2	12 (A403)	ĐHSP
358	171358	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	11/08/2005	3180723107		23SLD2	2	12 (A403)	ĐHSP
359	171359	Vô Thị Quế Trân	02/10/2004	3200222086		22CTL	2	12 (A403)	ĐHSP
360	171360	Đặng Thị Khánh Trang	06/09/2003	3180721122		21SLD	2	12 (A403)	ĐHSP
361	171361	Văn Thị Thùy Trang	22/10/2005	3180523067		23CLS	2	12 (A403)	ĐHSP
362	171362	Trần Mạnh Trí	05/01/2004	3120222141		22CNTT1	2	12 (A403)	ĐHSP
363	171363	Đặng Nguyễn Thục Trinh	04/11/2004	3200322056		22CTXH	2	12 (A403)	ĐHSP
364	171364	Lê Thị Lan Trinh	10/08/2002	3140320010		20CHD	2	12 (A403)	ĐHSP
365	171365	Nguyễn Ngọc Vân Trinh	19/12/2004	3200322057		22CTXH	2	12 (A403)	ĐHSP
366	171366	Trần Đoan Trinh	20/02/2003	3200321051		21CTXH	2	12 (A403)	ĐHSP
367	171367	Trần Phạm Phương Trinh	26/09/2005	3120123036		23SPT	2	12 (A403)	ĐHSP
368	171368	Trần Thị Huyền Trinh	24/04/2004	3180722104		22SLD2	2	12 (A403)	ĐHSP
369	171369	Trần Thị Tròn	28/02/2005	3180723114		23SLD1	2	12 (A403)	ĐHSP
370	171370	Phạm Hoàng Trọng	10/08/2006	3160624040		24SGT	2	12 (A403)	ĐHSP
371	171371	Nguyễn Trung Trực	04/02/2002	3180720082		20SLD	2	12 (A403)	ĐHSP
372	171372	Lương Thị Cẩm Tú	10/08/2001	3180619050		19CVNHC	2	12 (A403)	ĐHSP
373	171373	Nguyễn Cẩm Tú	02/09/2004	3220122306		22STH3	2	12 (A403)	ĐHSP
374	171374	Chu Minh Tuấn	05/05/2003	3140122054		22SHH	2	12 (A403)	ĐHSP
375	171375	Hoàng Thị Kim Tuyền	15/11/2004	3220122309		22STH4	2	12 (A403)	ĐHSP
376	171376	Nguyễn Thị Tuyền	29/01/2004	3200322058		22CTXH	2	12 (A403)	ĐHSP
377	171377	Phan Vô Cát Tuyền	07/08/2004	3170322062		22CVHH	2	12 (A403)	ĐHSP
378	171378	Lê Thúy Uyên	09/03/2005	3110123104		23ST1	2	12 (A403)	ĐHSP
379	171379	Ngô Nhã Uyên	22/01/2005	3220123409		23STH3	2	12 (A403)	ĐHSP
380	171380	Trịnh Thị Phương Uyên	18/09/2004	3190122060		22SDL	2	12 (A403)	ĐHSP
381	171381	Trương Nguyễn Thảo Uyên	11/03/2004	3150422035		22CNSH	2	13 (B401)	ĐHSP
382	171382	Hoàng Y Vân	25/04/2005	3230123205		23SMN1	2	13 (B401)	ĐHSP
383	171383	Lê Nguyễn Ngọc Vân	14/10/2005	3140723120		23SKT1	2	13 (B401)	ĐHSP
384	171384	Lê Thị Thảo Vân	26/12/2004	3230122151		22SMN1	2	13 (B401)	ĐHSP
385	171385	Trần Thị Bích Vân	02/07/2004	3200222094		22CTL	2	13 (B401)	ĐHSP
386	171386	Phan Lê Tường Vi	14/01/2004	3160422059		22SAN	2	13 (B401)	ĐHSP
387	171387	Phan Thị Tường Vi	06/06/2004	3180222161		22CVNH1	2	13 (B401)	ĐHSP
388	171388	Nguyễn Trọng Việt	19/11/2002	3120220278		20CNTT3	2	13 (B401)	ĐHSP
389	171389	Phạm Tiến Vinh	14/04/2001	3110122107		22ST1	2	13 (B401)	ĐHSP
390	171390	Nguyễn Nữ Thảo Vy	04/05/2004	3220122326		22STH1	2	13 (B401)	ĐHSP
391	171391	Nguyễn Thị Kiều Vy	27/08/2004	3160422064		22SAN	2	13 (B401)	ĐHSP
392	171392	Phan Khánh Vy	11/08/2006	3180724108		24SLD2	2	13 (B401)	ĐHSP
393	171393	A Xê	16/02/2004	3180722118		22SLD1	2	13 (B401)	ĐHSP
394	171394	Quảng Nguyễn Như Ý	19/11/2006	3220124327		24STH4	2	13 (B401)	ĐHSP
395	171395	Trần Thị Như Ý	05/07/2002	3180620015		20CVNHC	2	13 (B401)	ĐHSP
396	171396	Trần Thị Như Ý	26/03/2004	3220122330		22STH5	2	13 (B401)	ĐHSP
397	171397	Nguyễn Thị Hải Yến	19/11/2005	3180123029		23SLS	2	13 (B401)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
398	171398	Nguyễn Phạm Mỹ	Anh	11/07/2004	Quảng Ngãi	22TDH1	2	13 (B401)	ĐHSPKT
399	171399	Nguyễn Ngọc	Bảo	30/03/2004	Quảng Ngãi	22D3	2	13 (B401)	ĐHSPKT
400	171400	Trần Hữu	Cát	22/09/2002	Gia Lai	20DL1	2	13 (B401)	ĐHSPKT
401	171401	Phạm Minh	Chính	17/12/2005	Khánh Hoà	23T2	2	13 (B401)	ĐHSPKT
402	171402	Nguyễn Văn	Danh	03/12/2004	Quảng Nam	22C1	2	13 (B401)	ĐHSPKT
403	171403	Trịnh Hoàng	Danh	21/10/1999	Quảng Ngãi	22C2	2	13 (B401)	ĐHSPKT
404	171404	Nguyễn Quốc	Đạt	22/09/2003	Bình Định	21C1	2	13 (B401)	ĐHSPKT
405	171405	Phan Đình	Đạt	18/11/2004	Hà Tĩnh	22TDH2	2	13 (B401)	ĐHSPKT
406	171406	Phan Thành	Đạt	04/07/2002	Đà Nẵng	20D2	2	13 (B401)	ĐHSPKT
407	171407	Phan Tiến	Đạt	10/04/2004	Quảng Trị	22C1	2	13 (B401)	ĐHSPKT
408	171408	Trần Huỳnh Tấn	Đạt	17/03/2003	Quảng Ngãi	21C2	2	14 (B402)	ĐHSPKT
409	171409	Hồ Trần	Đoan	26/06/2004	Quảng Nam	22D1	2	14 (B402)	ĐHSPKT
410	171410	Hà Phước	Đức	23/01/2003	Quảng Nam	21DL1	2	14 (B402)	ĐHSPKT
411	171411	Nguyễn Văn	Đức	26/10/2003	Hà Tĩnh	21D3	2	14 (B402)	ĐHSPKT
412	171412	Phan Công Tài	Đức	02/01/2001	Quảng Nam	19XD1	2	14 (B402)	ĐHSPKT
413	171413	Huỳnh Xuân	Guyn	22/10/2002	Huế	20T1	2	14 (B402)	ĐHSPKT
414	171414	Phạm Vinh	Hiên	15/02/2002	Quảng Nam	20C1	2	14 (B402)	ĐHSPKT
415	171415	Nguyễn Thế	Hiếu	17/01/2002	Nghệ An	20D1	2	14 (B402)	ĐHSPKT
416	171416	Đình	Hòa	11/11/2004	Quảng Ngãi	22C1	2	14 (B402)	ĐHSPKT
417	171417	Nguyễn Mạnh	Hùng	02/01/2003	Quảng Nam	21D2	2	14 (B402)	ĐHSPKT
418	171418	Nguyễn Quốc	Hung	19/10/2002	Quảng Ngãi	21XC1	2	14 (B402)	ĐHSPKT
419	171419	Lê Văn Quang	Huy	22/06/2003	Quảng Nam	21CDT1	2	14 (B402)	ĐHSPKT
420	171420	Phạm Văn	Huy	07/11/2005	Khánh Hoà	23T2	2	14 (B402)	ĐHSPKT
421	171421	Quách Thanh	Huy	21/12/2004	Quảng Ngãi	22DL2	2	14 (B402)	ĐHSPKT
422	171422	Trần Quang	Huy	26/12/2001	Quảng Trị	19T1	2	14 (B402)	ĐHSPKT
423	171423	Trần Văn	Khanh	10/03/2002	Quảng Bình	20D1	2	14 (B402)	ĐHSPKT
424	171424	Nguyễn Quốc	Khánh	25/05/2003	Quảng Nam	21N1	2	14 (B402)	ĐHSPKT
425	171425	Nguyễn Văn	Linh	09/08/2005	Đà Nẵng	23N2	2	14 (B402)	ĐHSPKT
426	171426	Vô Hữu	Lộc	20/01/2003	Đà Nẵng	21DT1	2	14 (B402)	ĐHSPKT
427	171427	Trần Văn	Lợi	07/11/1998	Quảng Bình	21D3	2	14 (B402)	ĐHSPKT
	171428	Trần Khánh	Long	23/09/2003	Quảng Trị	21D3	2	14 (B402)	ĐHSPKT Hủy thi
428	171429	Hồ Văn	Lý	05/11/2004	Quảng Ngãi	22C1	2	14 (B402)	ĐHSPKT
429	171430	Nguyễn Anh	Minh	11/03/2005	Quảng Nam	23N1	2	14 (B402)	ĐHSPKT
430	171431	Vô Ngọc	Minh	28/09/2003	Quảng Bình	21DT1	2	14 (B402)	ĐHSPKT
431	171432	Lê Hạnh Khôi	Nguyên	31/05/2004	Gia Lai	22HTP1	2	14 (B402)	ĐHSPKT
432	171433	Nguyễn Hồ Thành	Nhân	23/10/2003	Đà Nẵng	21T3	2	14 (B402)	ĐHSPKT
433	171434	Nguyễn Văn	Nhật	28/06/2003	Đà Nẵng	21C2	2	14 (B402)	ĐHSPKT
434	171435	Phan Minh	Nhật	06/01/2004	Hà Tĩnh	22T1	2	15 (B403)	ĐHSPKT
435	171436	Lý Minh	Phi	17/08/2003	Quảng Nam	21DL1	2	15 (B403)	ĐHSPKT
436	171437	Đỗ Thành	Phú	26/04/2001	Đà Nẵng	21CDT1	2	15 (B403)	ĐHSPKT
437	171438	Nguyễn Đức	Phước	08/02/2003	Đà Nẵng	21T2	2	15 (B403)	ĐHSPKT
438	171439	Phạm Thanh	Phuong	01/06/2003	Quảng Ngãi	21C2	2	15 (B403)	ĐHSPKT
439	171440	Nguyễn Bình Anh	Quân	26/10/2003	Quảng Nam	21XC1	2	15 (B403)	ĐHSPKT
440	171441	Hoàng Quang Trọng	Quý	25/05/2003	Quảng Trị	21CDT1	2	15 (B403)	ĐHSPKT
441	171442	Huỳnh Minh	Quyết	01/02/2003	Huế	21C1	2	15 (B403)	ĐHSPKT

TT	SBD	Họ	và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
442	171443	Đỗ Thanh	Sang	12/04/2003	21115041120142	Lâm Đồng	21C1	2	15 (B403)	ĐHSPKT
443	171444	Nguyễn Thiên	Sao	13/07/2002	2050512200221	Bình Định	20D2	2	15 (B403)	ĐHSPKT
444	171445	Huỳnh Bá	Sơn	25/05/2005	23115043122234	Quảng Nam	23N2	2	15 (B403)	ĐHSPKT
445	171446	Lê Tiến	Sỹ	08/09/2004	22115043122134	Nghệ An	22N1	2	15 (B403)	ĐHSPKT
446	171447	Nguyễn Đăng	Sỹ	23/10/2003	21115063120123	Quảng Nam	21XC1	2	15 (B403)	ĐHSPKT
447	171448	Nguyễn Hữu	Tam	14/01/2002	2050531200305	Quảng Nam	20T3	2	15 (B403)	ĐHSPKT
448	171449	Phạm Thiện	Tâm	23/01/2004	22115053122336	Phú Yên	22T3	2	15 (B403)	ĐHSPKT
449	171450	Trần Đức	Tân	25/02/2003	21115063120125	Quảng Trị	21XC1	2	15 (B403)	ĐHSPKT
450	171451	Trần Thanh	Tây	22/06/2003	21115055120254	Quảng Ngãi	21TĐH2	2	15 (B403)	ĐHSPKT
451	171452	Võ Anh	Thái	27/08/2003	21115043120147	Quảng Ngãi	21N1	2	15 (B403)	ĐHSPKT
452	171453	Hoàng Thái	Thắng	29/06/2002	2050531200335	Quảng Trị	20T3	2	15 (B403)	ĐHSPKT
453	171454	Phạm Việt	Thắng	13/07/2003	21115051220251	Quảng Nam	21D3	2	15 (B403)	ĐHSPKT
454	171455	Trương Quang	Thắng	21/11/2005	23115043122133	Quảng Ngãi	23N1	2	15 (B403)	ĐHSPKT
455	171456	Huỳnh Tân	Thành	24/09/2004	22115041122253	Quảng Ngãi	22C2	2	15 (B403)	ĐHSPKT
456	171457	Nguyễn Phi	Thành	04/09/2004	22115043122138	Quảng Nam	22N1	2	15 (B403)	ĐHSPKT
457	171458	Trần Duy	Thành	28/11/2003	21115053120348	Quảng Bình	21T3	2	15 (B403)	ĐHSPKT
458	171459	Đoàn Trọng	Thiện	23/01/2003	21115051220160	Quảng Ngãi	21D1	2	15 (B403)	ĐHSPKT
459	171460	Ngô Đình	Thiện	20/09/2004	22115043122232	Quảng Ngãi	22N2	2	15 (B403)	ĐHSPKT
460	171461	Lê Trương Phước	Thịnh	11/01/2003	21115061120139	Đà Nẵng	21XD1	2	15 (B403)	ĐHSPKT
461	171462	Nguyễn Cảnh	Thịnh	02/01/2004	22115061122145	Quảng Nam	22XD1	2	16 (C402)	ĐHSPKT
462	171463	Dụng Văn	Thọ	18/07/2002	21115041120150	Huế	21C1	2	16 (C402)	ĐHSPKT
463	171464	Huỳnh Văn	Thôi	12/01/2003	21115054120163	Quảng Nam	21DT1	2	16 (C402)	ĐHSPKT
464	171465	Thân Đức	Thống	31/07/2003	21115061120235	Quảng Nam	21XD2	2	16 (C402)	ĐHSPKT
465	171466	Nguyễn Hữu	Tiến	01/09/2003	21115042120161	Đà Nẵng	21DL1	2	16 (C402)	ĐHSPKT
466	171467	Nguyễn Thị Dạ	Tiền	05/10/2003	21115073120127	Quảng Nam	21HTP1	2	16 (C402)	ĐHSPKT
467	171468	Nguyễn Minh	Trí	18/10/2004	22115043122238	Bình Định	22N2	2	16 (C402)	ĐHSPKT
468	171469	Cao Văn Nhật	Triều	17/07/2003	21115055120168	Quảng Nam	21TĐH1	2	16 (C402)	ĐHSPKT
469	171470	Võ Hoài	Trúc	13/12/2004	22115051222240	Quảng Ngãi	22D1	2	16 (C402)	ĐHSPKT
470	171471	Cao Xuân	Trung	17/09/2003	21115061120144	Quảng Nam	21XD1	2	16 (C402)	ĐHSPKT
471	171472	Hoàng Sỹ	Trung	16/06/2004	22115044122152	Nghệ An	22CDT1	2	16 (C402)	ĐHSPKT
472	171473	Nguyễn Đình	Trung	22/08/2003	21115054120168	Đà Nẵng	21DT1	2	16 (C402)	ĐHSPKT
473	171474	Đoàn Trần Nhật	Tuấn	15/01/2003	22115055122170	Quảng Ngãi	22TDH1	2	16 (C402)	ĐHSPKT
474	171475	Lê Công	Tuấn	20/06/2003	21115043120160	Thanh Hoá	21N1	2	16 (C402)	ĐHSPKT
475	171476	Lê Đức Hùng	Vỹ	03/01/2003	21115063120128	Quảng Trị	21XC1	2	16 (C402)	ĐHSPKT
476	171477	Phan Nguyễn Thành	An	08/08/2003	21AD001		21AD	2	16 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
477	171478	Nguyễn Minh	Anh	20/10/2004	22ET003		22ET	2	16 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
478	171479	Trần Thị Minh	Anh	12/09/2004	22DM003		22GBA	2	16 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
479	171480	Võ Thế	Anh	05/03/2003	21IT394		21SE4	2	16 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
480	171481	Hoàng Nhật	Anh	08/05/2001	20BA060		20EC	2	16 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
481	171482	Phạm Đặng Thái	Bảo	18/06/2003	21IT530		21NS	2	16 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
482	171483	Vũ Gia	Bảo	26/03/2003	21CE068		21CE2	2	16 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
483	171484	Tổng Chính	Chung	08/04/2003	21IT670		21SE2	2	16 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
484	171485	Nguyễn Đức	Cường	16/01/2003	21IT330		21NS	2	16 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
485	171486	Võ Anh	Đài	27/02/2004	22EF011		22EF	2	16 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
486	171487	Đặng Tâm	Đan	03/01/2004	22ET007		22ET	2	16 (C402)	ĐHCNTT&TTVH

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
487	171488	Trương Quang	Đạo	12/12/2003	21IT125	21SE3	2	16 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
488	171489	Hồ Văn Thành	Đạt	09/03/2003	21IT399	21SE4	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
489	171490	Trần Chính	Đạt	21/02/2003	21AD072	21AD	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
490	171491	Đỗ Phú	Đức	05/05/2002	21IT128	21SE3	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
491	171492	Nguyễn Minh	Đức	02/01/2002	20IT861	20SE5	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
492	171493	Võ Quốc	Dũng	01/10/2002	20IT480	20SE1	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
493	171494	Ngô Tiến	Dũng	10/12/2002	20IT825	20NS	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
494	171495	Lê Văn	Duy	01/10/2003	21IT541	21SE2	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
495	171496	Nguyễn Đăng	Duy	11/10/2003	21CE081	21CE2	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
496	171497	Ngô Thị Mỹ	Duyên	11/12/2004	22ET006	22ET	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
497	171498	Phan Thị Mỹ	Duyên	02/02/2004	22BA012	22BA	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
498	171499	Trần Nguyễn Trà	Giang	21/07/2003	21BA013	21GBA	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
499	171500	Trần Văn	Gô	16/05/2003	21IT606	21NS	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
500	171501	Nguyễn Thị Khánh	Hạ	20/07/2004	22DM021	22GBA	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
501	171502	Huỳnh Thị Thanh	Hăng	29/06/2004	22ET011	22BA	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
502	171503	Trần Quang	Hào	19/03/2003	21IT546	21SE2	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
503	171504	Trần Thị Ngọc	Hiền	04/03/2004	22ET012	22ET	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
504	171505	Lê Quang	Hiếu	29/08/2003	21IT609	21SE4	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
505	171506	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	14/07/2004	22BA025	22BA	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
506	171507	Thái Thị	Hiếu	04/01/2003	21IT405	21MC	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
507	171508	Phan Thanh	Hiếu	06/03/2003	21IT135	21MC	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
508	171509	Đỗ Lê	Hoan	06/08/2003	21IT073	21NS	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
509	171510	Lê Hữu	Hoàn	27/03/2002	20IT684	20SE6	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
510	171511	Trần Bá Việt	Hoàng	11/02/2003	21IT349	21SE5	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
511	171512	Phạm Thị Kim	Hoanh	04/07/2004	22BA026	22BA	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
512	171513	Lê Nguyên Win	Hội	11/02/2003	21IT350	21NS	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
513	171514	Hoàng Xuân	Hưng	12/09/2003	21IT488	21SE4	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
514	171515	Nguyễn Văn	Hưng	13/02/2003	21IT277	21SE2	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
515	171516	Đinh Quang	Huy	10/06/2003	21DA020	21DA	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
516	171517	Đoàn Quốc	Huy	15/07/2003	21IT279	21SE2	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
517	171518	Lê Minh	Huy	29/03/2003	21IT144	21NS	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
518	171519	Trần Cao	Khải	28/12/2002	21IT416	21SE4	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
519	171520	Lê Nguyên	Khang	15/05/2003	21IT494	21SE5	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
520	171521	Trần Diệu	Khanh	24/10/2004	22BA030	22BA	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
521	171522	Nguyễn Quốc	Khánh	27/02/2003	21DA024	21DA	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
522	171523	Trương Quốc	Khánh	19/08/2001	19IT168	19IT3	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
523	171524	Nguyễn Tùng	Lâm	25/02/2003	21IT357	21SE5	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
524	171525	Lê Thị Thu	Lan	09/02/2004	22BA033	22BA	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
525	171526	Dương Thị	Liên	20/10/2002	21IT621	21SE3	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
526	171527	Nguyễn Khánh	Linh	13/03/2003	21IT497	21SE5	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
527	171528	Nguyễn Thị Bảo	Linh	23/01/2003	21IT286	21SE1	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
528	171529	Phạm Thị Thanh	Loan	25/06/2003	21IT151	21MC	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
529	171530	Lê Thị Thanh	Ly	19/02/2004	22EF027	22EF	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
530	171531	Hoàng Thị	Lý	02/09/2003	21IT291	21SE2	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
531	171532	Đỗ Văn	Minh	29/03/2003	21IT625	21SE4	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH

TT	SBD	Họ	và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
532	171533	Lê Thị	Mơ	25/08/2003	21IT626		21JIT	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
533	171534	Lê Thị	Nga	20/09/2004	22ET021		22ET	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
534	171535	Ngô Thị Quỳnh	Nga	25/06/2004	22DM062		22GBA	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
535	171536	Nguyễn Đỗ Bảo	Ngân	17/02/2003	22BA057		22GBA	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
536	171537	Hoàng Minh	Nghĩa	23/12/2003	21CE034		21CE1	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
537	171538	Trần Bảo	Ngọc	03/11/2004	22EL095		22EL2	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
538	171539	Lê Thị Hồng	Ngọc	18/03/2004	22ET023		22ET	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
539	171540	Trần Phạm Song	Nguyên	20/06/2003	21AD044		21AD	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
540	171541	Võ Ngọc Kim	Nhi	24/06/2003	21IT503		21SE5	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
541	171542	Trương Thị	Nhung	19/03/2004	22BA073		22BA	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
542	171543	Phạm Văn	Phi	06/12/2003	21IT635		21SE2	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
543	171544	Nguyễn Đình	Phi	01/05/2003	21IT505		21SE5	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
544	171545	Nguyễn Nhật	Phụng	07/05/2001	19IT340		19IT5	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
545	171546	Nguyễn Minh	Phuong	23/03/2002	20IT331		20SE4	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
546	171547	Trương Lưu	Quân	23/02/2003	21IT509		21SE4	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
547	171548	Ngô Việt	Quang	18/11/2001	19IT342		19IT5	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
548	171549	Lê Thị Diễm	Quỳnh	20/04/2003	21BA248		21DM2	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
549	171550	Lê Minh	Sang	16/08/2003	21IT645		21SE5	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
550	171551	Trịnh Thái	Son	16/08/2003	21IT045		21GIT	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
551	171552	Nguyễn Văn	Tài	27/12/2003	21IT513		21SE5	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
552	171553	Võ Thị Mỹ	Tâm	09/12/2004	22ET039		22ET	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
553	171554	Lê Thị Mỹ	Tâm	30/03/2004	22ET036		22ET	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
554	171555	Tôn Nữ Diệu	Tâm	22/12/2003	21DA046		21DA	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
555	171556	Phạm Vĩnh	Thái	28/10/2002	20IT123		20MC	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
556	171557	Nguyễn Ngọc	Thanh	04/02/2003	21IT380		21MC	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
557	171558	Huỳnh Tấn	Thành	08/08/1998	21IT.T013		19IT6	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
558	171559	Lê Phương	Thảo	28/10/2004	22BA094		22BA	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
559	171560	Đoàn Văn	Thiên	27/11/2003	21IT665		21NS	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
560	171561	Võ Minh	Thiện	02/09/2001	20IT348		20NS	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
561	171562	Nguyễn Thị Phú	Thuận	30/10/2007	25BA050		25GBA	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
562	171563	Võ Đức	Tín	05/05/2003	21IT522		21NS	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
563	171564	Nguyễn Thị	Trâm	20/10/2002	20IT732		20SE2	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
564	171565	Lê Bảo	Trâm	19/05/2004	22EF055		22EF	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
565	171566	Trương Ngọc Thuý	Trang	01/04/2004	22DM101		22GBA	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
566	171567	Nguyễn Huyền	Trang	19/02/2004	22ET053		22EF	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
567	171568	Trần Công Hoàng	Triều	15/08/2003	21IT657		21SE5	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
568	171569	Trần Thiên	Trưởng	19/06/2003	21IT318		21SE2	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
569	171570	Lê Văn	Truyền	27/08/2003	21IT181		21SE3	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
570	171571	Trương Hoàng	Tú	05/08/2001	19IT362		19IT5	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
571	171572	Lê Anh	Tuấn	24/10/2003	21IT320		21SE2	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
572	171573	Võ Văn	Tuấn	13/03/2003	21CE060		21CE1	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
573	171574	Phan Thanh	Tuấn	27/08/2000	21IT248		21NS	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
574	171575	Trần Anh	Tuấn	13/04/2003	21CE125		21CE2	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
575	171576	Nguyễn Thị Phương	Uyên	10/02/2003	21IT594		21SE2	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
576	171577	Tào Nguyên	Văn	29/10/2003	21IT118		21SE4	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
577	171578	Nguyễn Đức Vân	02/09/2003	21IT391		21SE5	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
578	171579	Phùng Thị Bích Vân	24/03/2004	22DM110		22GBA	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
579	171580	Đặng Quốc Việt	08/02/2003	21IT322		21SE2	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
580	171581	Nguyễn Văn Vinh	23/07/2003	21IT188		21SE3	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
581	171582	Huỳnh Vĩnh Vinh	13/12/2003	21IT392		21NS	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
582	171583	Phan Văn Xuất	22/01/2003	21IT256		21SE3	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
583	171584	Phan Trọng Đại	16/04/2003	217720201110	Nghệ An	D21	2	18 (C404)	Y Dược
584	171585	Trần Trung Đạt	12/08/2002	207720501218	Huế	RHM20	2	18 (C404)	Y Dược
585	171586	Phạm Thị Thùy Linh	24/08/2004	227720301021	Đắk Lắk	DD22	2	18 (C404)	Y Dược
586	171587	Trần Thị Ngọc Mỹ	27/04/2002	207720501233	Hà Tĩnh	RHM20	2	18 (C404)	Y Dược
587	171588	Võ Giang Nam	25/11/2002	207720101055	Quảng Trị	YK20B	2	18 (C404)	Y Dược
588	171589	Nguyễn Thiện Phát	28/09/2000	207720501240	Đà Nẵng	RHM20	2	18 (C404)	Y Dược
589	171590	Nguyễn Minh Phúc	20/04/2002	207720501242	Quảng Ngãi	RHM20	2	18 (C404)	Y Dược

Danh sách có 589 thí sinh./.